

TRUST IN DENTISTS OF 10TH GRADE STUDENTS AT HERMANN GMEINER INTERNATIONAL SCHOOL HANOI IN 2024 AND SOME RELATED FACTORS

Luu Van Tuong^{1*}, Truong Dinh Khoi¹, Dao Thi Dung¹,
Phung Huu Dai¹, Ha Ngoc Chieu², Duong Duc Long²

¹University of Medicine and Pharmacy, Vietnam National University, Hanoi -
144 Xuan Thuy, Dich Vong Hau Ward, Cau Giay Dist, Hanoi City, Vietnam

²Institute of Dentistry, Hanoi Medical University - 1 Ton That Tung, Kim Lien Ward, Dong Da Dist, Hanoi City, Vietnam

Received: 26/11/2024

Revised: 17/12/2024; Accepted: 25/03/2025

ABSTRACT

Objective: To describe the trust in dentists of 10th grade students at Hermann Gmeiner Inter-school in 2024 and some influencing factors.

Subjects and methods: Cross-sectional descriptive study on 159 students at 10th grade in Hermann Gmeiner Hanoi Inter-school, 2024. Students were surveyed and responded to an on-line survey measuring trust in dentists in general (T-DiG).

Results: The scale (T-DiG) has high reliability, Cronbach's alpha coefficient of the whole scale is 0.924; 62.9% of students have trust in dentists. Average score on doctor communication capacity (3.94 ± 0.96); fidelity (2.18 ± 1.18); systems trust (4.28 ± 1.02); confidentiality (4.0 ± 1.07); fairness (4.24 ± 0.99). Male students have 2.21 times higher overall trust in dentists than female students ($p < 0.05$). Students with confidence in the doctor's communication capacity, fidelity, systems trust, confidentiality, and fairness all increased their overall trust compared to the group without trust ($p < 0.05$).

Conclusion: Students' trust in dentists is still not high. Trust depends heavily on the doctor's system of communication capacity, fidelity, systems trust, confidentiality and fairness.

Keywords: Trust in dentists, related factors, 10th grade students.

*Corresponding author

Email: tuonglv.ump@vnu.edu.vn Phone: (+84) 912512599 <https://doi.org/10.52163/yhc.v66iCĐ2.2221>

LÒNG TIN VÀO BÁC SĨ NHA KHOA CỦA HỌC SINH LỚP 10 TRƯỜNG LIÊN CẤP HERMANN GMEINER HÀ NỘI NĂM 2024 VÀ MỘT SỐ YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG

Lưu Văn Tường^{1*}, Trương Đình Khởi¹, Đào Thị Dung¹,
Phùng Hữu Đại¹, Hà Ngọc Chiêu², Dương Đức Long²

¹Trường Đại học Y Dược, Đại học Quốc gia Hà Nội - 144 Xuân Thủy, P. Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, Tp. Hà Nội, Việt Nam
²Viện đào tạo RHM, Trường Đại học Y Hà Nội - 1 Tôn Thất Tùng, P. Kim Liên, Q. Đống Đa, Tp. Hà Nội, Việt Nam

Ngày nhận bài: 26/11/2024

Chỉnh sửa ngày: 17/12/2024; Ngày duyệt đăng: 25/03/2025

TÓM TẮT

Mục tiêu: Mô tả lòng tin vào bác sĩ nha khoa của học sinh lớp 10 trường liên cấp Hermann Gmeiner năm 2024 và một số yếu tố ảnh hưởng.

Đôi tượng và phương pháp: Nghiên cứu mô tả cắt ngang trên 159 học sinh lớp 10 trường liên cấp Hermann Gmeiner Hà Nội năm 2024. Các học sinh được khảo sát và trả lời vào phiếu khảo sát online thang đo lòng tin vào bác sĩ nha khoa nói chung (T-DiG).

Kết quả: Thang đo (T-DiG) có độ tin cậy cao, hệ số Cronbach's alpha của thang đo là 0,92. Có 62,9% học sinh có lòng tin vào bác sĩ nha khoa. Điểm trung bình của học sinh về năng lực giao tiếp của bác sĩ ($3,94 \pm 0,96$); trung thành ($2,18 \pm 1,18$); tin tưởng ($4,28 \pm 1,02$); bảo mật ($4,0 \pm 1,07$); công bằng ($4,24 \pm 0,99$). Học sinh nam có lòng tin tổng quát vào bác sĩ nha khoa cao hơn 2,21 lần so với học sinh nữ ($p < 0,05$). Học sinh có lòng tin vào năng lực giao tiếp, trung thành, hệ thống tin tưởng, bảo mật, công bằng của bác sĩ đều gia tăng lòng tin tổng quát so với nhóm không có lòng tin ($p < 0,05$).

Kết luận: Lòng tin vào bác sĩ nha khoa của học sinh còn chưa cao. Lòng tin phụ thuộc nhiều vào hệ thống năng lực giao tiếp, trung thành, hệ thống tin tưởng, bảo mật, công bằng của bác sĩ.

Từ khóa: Lòng tin vào bác sĩ nha khoa, yếu tố ảnh hưởng, học sinh lớp 10.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Lòng tin trong lĩnh vực chăm sóc sức khỏe là mối quan hệ tồn tại giữa các cá nhân, cũng như giữa các cá nhân và hệ thống, trong đó một bên ở vị trí dễ bị tổn thương và tin rằng bên kia sẽ hành động vì lợi ích của họ. Trong bối cảnh chăm sóc y tế, người bệnh ở vị trí đặc biệt dễ bị tổn thương khiến lòng tin trở thành một khía cạnh quan trọng trong chăm sóc lâm sàng [1]. Người bệnh có lòng tin vào nhà cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe có nhiều khả năng được chăm sóc tốt hơn, khả năng tuân theo phác đồ điều trị tốt hơn và kiểm soát tốt các tình trạng mạn tính, điều này sẽ dẫn đến kết quả sức khỏe tốt. Ngược lại, thiếu sự tin tưởng có thể làm giảm sự hài lòng của người bệnh, tăng sự lo lắng, giảm sự tuân thủ các khuyến nghị của bác sĩ nha khoa và dẫn đến kết quả sức khỏe miệng người bệnh kém [2].

Lòng tin được coi là nền tảng cho mối quan hệ giữa bác sĩ và người bệnh, nó bao gồm các khía cạnh như giao tiếp, đạo đức, năng lực, công bằng, bảo mật [2]. Lòng

tin tạo điều kiện thuận lợi cho sự tương tác giữa bác sĩ nha khoa và người bệnh, tạo ra cảm giác hài lòng cao hơn của người bệnh với việc chăm sóc nha khoa và thúc đẩy quá trình điều trị. Hơn nữa, lòng tin khuyến khích các bác sĩ nha khoa đạt được cảm giác hài lòng trong công việc và giảm căng thẳng tinh thần liên quan đến công việc [3]. Trong nha khoa, sự thiếu lòng tin có thể là rào cản đối với việc tìm kiếm dịch vụ chăm sóc, dẫn đến mức độ hài lòng của người bệnh thấp hơn, gia tăng lo lắng, giảm khả năng tuân thủ các hướng dẫn chuyên môn và làm giảm khả năng đạt được kết quả điều trị tích cực [4]. Tuổi vị thành niên là giai đoạn khi thanh thiếu niên từ 14 đến 17 tuổi, giai đoạn này thường ít được quan tâm trong các hoạt động nhằm nghiên cứu, đánh giá và cải thiện sức khỏe răng miệng mà tập trung nhiều hơn vào trẻ nhỏ hoặc người lớn. Kết quả nghiên cứu trước đây cho thấy lứa tuổi này cũng ít đến bác sĩ nha khoa thăm khám định kỳ hơn do các yếu tố như áp

*Tác giả liên hệ

Email: tuonglv.ump@vnu.edu.vn Điện thoại: (+84) 912512599 [Https://doi.org/10.52163/yhc.v66iCD2.2221](https://doi.org/10.52163/yhc.v66iCD2.2221)

lực học tập, nhận thức cá nhân, thiếu thông tin giáo dục sức khỏe [5].

Lòng tin vào bác sĩ nha khoa có thể ảnh hưởng đến thái độ và hành vi chăm sóc răng miệng của học sinh, nhưng mối liên hệ giữa lòng tin và tần suất thăm khám chưa được xác định rõ ràng. Do đó, việc nghiên cứu lòng tin của học sinh giúp hiểu rõ hơn về nhận thức, quan điểm của lứa tuổi này đối với bác sĩ nha khoa và khám răng định kỳ. Những phát hiện này có thể góp phần cung cấp thông tin để xây dựng các biện pháp phù hợp nhằm nâng cao sự tiếp cận và chất lượng dịch vụ nha khoa cho thanh thiếu niên. Vì vậy, nghiên cứu được thực hiện nhằm mục tiêu:

Mô tả lòng tin vào bác sĩ nha khoa trong chăm sóc sức khỏe răng miệng của học sinh lớp 10 trường liên cấp Hermann Gmeiner và một số yếu tố ảnh hưởng”.

2. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP

2.1. Thiết kế nghiên cứu: Thiết kế nghiên cứu mô tả cắt ngang.

2.2. Thời gian và địa điểm nghiên cứu: Thời gian nghiên cứu: Từ tháng 2-3/2024. Địa điểm: Trường liên cấp Hermann Gmeiner Hà Nội.

2.3. Đối tượng nghiên cứu

Học sinh khối lớp 10 đang học tại trường liên cấp Hermann Gmeiner Hà Nội năm học 2023-2024. Tiêu chuẩn lựa chọn: Học sinh khối lớp 10 đang học tại trường liên cấp Hermann Gmeiner và đồng ý tham gia nghiên cứu. Tiêu chuẩn loại trừ: Học sinh mắc các rối loạn tâm thần hoặc không có mặt trong thời gian nghiên cứu.

2.4. Cỡ mẫu và chọn mẫu:

Nghiên cứu áp dụng kỹ thuật chọn mẫu chủ đích, chọn toàn bộ học sinh lớp 10 đáp ứng đủ tiêu chuẩn lựa chọn, đồng ý tham gia nghiên cứu sẽ được phỏng vấn. Cỡ mẫu bao gồm 159 học sinh lớp 10 Trường liên cấp Hermann Gmeiner được khảo sát và trả lời vào phiếu khảo sát online.

2.5. Biến số/chỉ số/nội dung/chủ đề nghiên cứu:

Nghiên cứu thu thập các biến số và chỉ số sau: Tuổi, lớp, giới tính, năng lực giao tiếp, trung thành, hệ thống tin tưởng, bảo mật, công bằng.

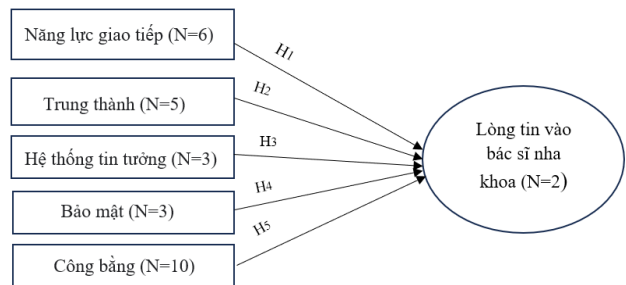
2.6. Kỹ thuật, công cụ và quy trình thu thập số liệu

Những đối tượng đủ điều kiện tham gia nghiên cứu được trả lời toàn bộ câu hỏi khảo sát online về thang đo lòng tin vào Bác sĩ nha khoa nói chung (T-DiG). Thang đo (T-DiG) được phát triển dựa Thang đo lòng tin vào bác sĩ của Hall [6]. Thang đo được nhóm chuyên ra tại Viện Răng Hàm Mặt Trường Đại học Y Hà Nội dịch thuật kiểm tra.

Bộ câu hỏi khảo sát (T-DiG) gồm 29 câu trong 5 mục:

Năng lực giao tiếp (6 câu); Trung thành (2 câu); Hệ thống tin tưởng (3 câu); Bảo mật (3 câu); Công bằng (2 câu); Lòng tin chung (2 câu). Sử dụng thang đo Likert về mức độ đồng ý đối với các tiêu mục (1 điểm: Rất không đồng ý; 2 điểm: Không đồng ý; 3 điểm: Bình thường; 4 điểm đồng ý; 5 điểm: Rất đồng ý). Phân loại lòng tin tổng quát vào bác sĩ được đánh giá dựa trên điểm trung bình của 2 câu hỏi cuối (Tất cả mọi thứ được xem xét, tôi tin tưởng bác sĩ và tôi đặt lòng tin vào bác sĩ). Mức điểm 3,5 nằm trên mức trung lập xu hướng chung của người trả lời nghiêng về lòng tin theo thang Likert. Giá trị điểm trung bình của 2 câu trên $\geq 3,5$ được coi là có lòng tin vào bác sĩ nha khoa, $< 3,5$ coi chưa có lòng tin vào bác sĩ nha khoa.

Trong đó đánh giá yếu tố ảnh hưởng dựa trên mô hình:



Hình 1. Mô hình nghiên cứu thang đo lòng tin vào bác sĩ nha khoa

2.7. Phương pháp xử lý, phân tích số liệu: Tất cả các số liệu nghiên cứu được nhập bằng phần mềm Epidata 3.0 và xử lý bằng phần mềm SPSS 22.0. Giá trị $p < 0,05$ mang ý nghĩa thống kê. Độ tin cậy thang đo được kiểm định bằng hệ số Cronbach's Alpha.

Bảng 1. Độ tin cậy thang đo lòng tin bác sĩ nha khoa (T-DiG)

Nhân tố	Tương quan biến tổng lần lượt	Hệ số Cronbach's alpha
Năng lực giao tiếp (N=6)	0,62; 0,74; 0,68; 0,60; 0,67; 0,748	0,87
Trung thành (N=5)	0,84; 0,85; 0,85; 0,85; 0,80	0,94
Hệ thống tin tưởng (N=3)	0,93; 0,92; 0,93	0,96
Bảo mật (N=3)	0,64; 0,76; 0,62	0,81
Công bằng (N=10)	0,80; 0,79; 0,76; 0,78; 0,72; 0,74; 0,76 0,14; 0,29; 0,24	0,97
Cả thang đo		0,92

Kiểm định Cronbach's alpha cho thấy các tiêu mục đều đạt độ tin cậy, các nhân tố được đưa vào có giá trị hệ số Cronbach's Alpha $> 0,6$ và giá trị tương quan biến tổng $> 0,3$, ngoại trừ các tiêu chí công bằng có ($r < 0,3$),

chúng tôi loại bỏ 3 tiêu chí cuối ra khỏi thang đo. Hệ số Cronbach's alpha của cả thang đo là 0,92.

2.8. Đạo đức nghiên cứu

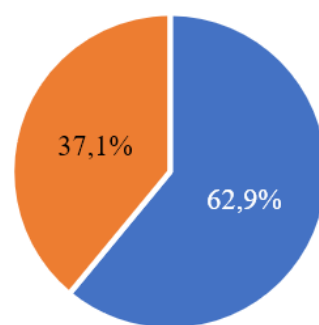
Đề cương nghiên cứu đã được thông qua Hội đồng chấm đề cương của Trường Đại học Y Dược, Đại học Quốc gia Hà Nội và Ban Giám hiệu Trường liên cấp Hermann Gmeiner đồng ý cho phép tiến hành nghiên cứu. Bản cung cấp thông tin và phiếu tự nguyện tham gia nghiên cứu đã được cha mẹ và học sinh đồng ý. Các thông tin cá nhân được bảo mật và không ghi danh học sinh.

3. KẾT QUẢ

3.1. Thông tin chung của đối tượng nghiên cứu

Trong số 159 học sinh lớp 10, nữ chiếm tỷ lệ 52,2% và nam chiếm 48,7%. Học sinh lớp 10A1 chiếm tỷ lệ cao nhất (28,7%).

3.2. Đặc điểm lòng tin tổng quát và một số yếu tố ảnh hưởng



■ Có lòng tin ■ Chưa có lòng tin

Biểu đồ 1. Phân bố lòng tin tổng quát của học sinh

Biểu đồ trên cho thấy có 62,9% học sinh có lòng tin vào bác sĩ nha khoa và 37,1% chưa có lòng tin vào bác sĩ nha khoa.

Bảng 1. Mức độ đồng ý của học sinh về nhân tố năng lực giao tiếp, trung thành

Đặc điểm năng lực giao tiếp	$\bar{X} \pm SD$ (điểm) Min-Max	Số lượng (%)		
		1-2 (Rất không đồng ý - Không đồng ý)	3 (Bình thường)	4-5 (Đồng ý - Rất đồng ý)
1. Bác sĩ nha khoa có khả năng phán đoán tốt	3,73±0,94 Min:1-Max:5	9 (5,7)	52 (32,6)	98 (61,7)
2. Bác sĩ nha khoa giải thích cho người bệnh những lợi ích và rủi ro của phương pháp điều trị	4,12±0,93 Min:1-Max:5	7 (4,4)	18 (11,3)	134 (84,3)
3. Bác sĩ nha khoa lắng nghe người bệnh	4,03±0,88 Min:1-Max:5	5 (3,1)	29 (18,3)	125 (78,6)
4. Bác sĩ nha khoa tin người bệnh khi họ nói điều gì đó không ổn	3,74±1,02 Min:1-Max:5	14 (8,8)	46 (28,9)	99 (62,3)
5. Bác sĩ nha khoa theo dõi người bệnh khi cần thiết	3,92±1,01 Min:1-Max:5	10 (6,3)	29 (18,2)	120 (75,2)
6. Bác sĩ nha khoa cung cấp thông tin đáng tin cậy và sẽ hành động vì lợi ích của người bệnh	4,13±0,95 Min:1-Max:5	7 (4,4)	27 (17,0)	125 (78,6)
Điểm trung bình năng lực giao tiếp	3,94±0,96			
Trung thành				
7. Bác sĩ nha khoa đặt việc kiểm tiền lên trên nhu cầu của người bệnh	2,35±1,21 Min:1-Max:5	57 (54,7)	51 (32,1)	21 (13,2)
8. Bác sĩ nha khoa đề xuất phương pháp điều trị đắt tiền để kiểm tiền	2,26±1,17 Min:1-Max:5	88 (55,3)	54 (34,0)	17 (10,7)
9. Bác sĩ che giấu sai lầm	2,14±1,21	100 (66,9)	42 (26,4)	17 (10,6)
10. Bác sĩ nha khoa có thể thử nghiệm trên người bệnh mà họ không hề hay biết	1,96±1,19 Min:1-Max:5	113 (71,2)	19,5 (31)	15 (9,4)
11. Bác sĩ nha khoa vội vàng thông qua các cuộc hẹn	2,21±1,12 Min:1-Max:5	101 (63,5)	42 (26,4)	16 (10,1)
ĐTB năng lực trung thành	2,18±1,18			

Bảng trên cho thấy năng lực giao tiếp của bác sĩ nha khoa có điểm trung bình $3,94 \pm 0,96$ và yếu tố trung thành có điểm trung bình $2,18 \pm 1,18$.

Bảng 2. Mức độ đồng ý của học sinh về các nhân tố tin tưởng, bảo mật và công bằng

Tin tưởng	$\bar{X} \pm SD$ (điểm) Min-Max	Số lượng (%)		
		1-2 (Rất không đồng ý-Không đồng ý)	3 (Bình thường)	4-5 (Đồng ý - Rất đồng ý)
1. Bác sĩ nha khoa phải chịu trách nhiệm nếu làm sai	4,31±0,99 Min:1-Max:5	9 (5,7)	13 (8,2)	138 (86,1)
2. Bác sĩ nha khoa phải chịu trách nhiệm nếu họ đối xử bất công với người bệnh	4,25±1,05 Min:1-Max:5	11 (6,9)	16 (10,1)	132 (83)
3. Bác sĩ nha khoa phải chịu trách nhiệm nếu phân biệt đối xử với người bệnh	4,29±1,02 Min:1-Max:5	26 (16,3)	36 (22,6)	97 (61,0)
ĐTB hệ thống tin tưởng	4,28±1,02			
Bảo mật				
1. Bác sĩ nha khoa giữ kín hồ sơ bệnh án.	3,70±1,25 Min:1-Max:5	26 (16,3)	36 (22,6)	97 (61,0)
2. Bác sĩ nha khoa sử dụng hệ thống bảo mật để lưu trữ hồ sơ bệnh án.	4,06±0,97 Min:1-Max:5	8 (5,0)	35 (22,0)	116 (63,0)
3. Bác sĩ nha khoa tôn trọng quyền riêng tư của người bệnh.	4,26±1,00 Min:1-Max:5	9 (5,7)	17 (10,7)	133 (83,6)
ĐTB bảo mật	4,0±1,07			
Công bằng				
1. Bác sĩ nha khoa đối xử công bằng với người bệnh, bất kể khả năng chi trả của họ.	4,17±1,02 Min:1-Max:5	8 (5,1)	29 (18,2)	122 (76,8)
2. Bác sĩ nha khoa đối xử công bằng với người bệnh thuộc mọi dân tộc	4,31±0,97 Min:1-Max:5	8 (5,0)	13 (8,2)	138 (86,8)
3. Bác sĩ nha khoa đối xử công bằng với người bệnh, bất kể giới tính của họ	4,29±1,00 Min:1-Max:5	9 (5,7)	16 (10,1)	134 (84,3)
4. Bác sĩ nha khoa đối xử công bằng với người bệnh, bất kể khuynh hướng tình dục của họ	4,21±0,98 Min:1-Max:5	8 (6,1)	21 (13,2)	130 (82,0)
5. Bác sĩ nha khoa đối xử công bằng với người bệnh, bất kể cân nặng của họ.	4,23±1,00 Min:1-Max:5	9 (5,7)	18 (11,3)	132 (83,0)
6. Bác sĩ nha khoa đối xử công bằng với người bệnh, không phân biệt tôn giáo.	4,25±1,02 Min:1-Max:5	9 (5,7)	18 (11,3)	132 (83,0)
7. Bác sĩ nha khoa đối xử công bằng với người bệnh, bất kể trình độ học vấn của họ.	4,28±0,94 Min:1-Max:5	7 (4,4)	16 (10,1)	136 (85,5)
ĐTB công bằng	4,24±0,99			

Bảng trên cho thấy điểm trung bình hệ thống tin tưởng chung là $4,28 \pm 1,02$; yếu tố bảo mật là $4,0 \pm 1,07$ và yếu tố công bằng là $4,24 \pm 0,99$

Bảng 3. Mối liên quan giữa một số yếu tố ảnh hưởng đến lòng tin tổng quát vào bác sĩ nha khoa

Nội dung		Lòng tin tổng quát		OR (95% CI)	p
		Có (n,%)	Không có (n,%)		
Giới tính	Nam	55 (72,4)	21 (27,6)	1	
	Nữ	45 (54,2)	38 (45,8)	2,21 (1,14-4,29)	p<0,05
Lòng tin năng lực giao tiếp	Có	94 (69,6)	41 (30,4)	1	
	Không có	6 (25,0)	18 (75,0)	6,87 (2,54-18,5)	p<0,05
Lòng tin trung thành	Có	78 (68,6)	34 (30,4)	1	
	Không có	22 (46,8)	25 (53,2)	2,60 (1,29-5,25)	p<0,05
Lòng tin hệ thống tin tưởng	Có	95 (69,9)	41 (30,1)	1	
	Không có	5 (21,7)	18 (78,3)	8,34 (2,90-23,9)	p<0,05
Lòng tin hệ thống bảo mật	Có	84 (71,8)	33 (28,2)	1	
	Không có	16 (38,1)	26 (61,9)	4,13 (1,97-8,68)	p<0,05
Lòng tin vào công bằng	Có	91 (71,7)	36 (28,3)	1	
	Không có	9 (28,1)	23 (71,9)	6,46 (2,72-15,2)	p<0,05

Bảng trên cho thấy nam học sinh có lòng tin tổng quát vào bác sĩ nha khoa cao hơn 2,21 lần so với nữ học sinh ($p<0,05$). Học sinh có lòng tin vào năng lực giao tiếp, trung thành, hệ thống tin tưởng, bảo mật, công bằng của bác sĩ đều gia tăng lòng tin tổng quát so với nhóm không có lòng tin ($p<0,05$).

4. BÀN LUẬN

Nghiên cứu của chúng tôi trên 159 học sinh (76 nam, 83 nữ) sử dụng thang đo lòng tin của học sinh vào bác sĩ nha khoa (T-DiG). Đây là thang đo có độ tin cậy cao, hệ số Cronbach's alpha của cả thang đo là 0,924 trong các nghiên cứu, các tiêu mục đều giá trị hệ số Cronbach's alpha $>0,6$ và giá trị tương quan biến tổng $>0,3$. Thang đo đã được kiểm định có giá trị tin cậy, tính nhất quán cao với hệ số Cronbach's alpha=0,93 trong nghiên cứu Hall và cộng sự (2002) [7]. Chúng tôi đã loại bỏ những câu có giá trị tương quan biến tổng $<0,3$ để tăng giá trị của thang đo.

Nghiên cứu có 68,3% học sinh có lòng tin vào bác sĩ nha khoa (điểm trung bình $\geq 3,5$), có tới 31,7% chưa có lòng tin vào bác sĩ nha khoa. Lòng tin chung phụ thuộc ở một mức độ nào đó vào trải nghiệm trước đây của cá nhân học sinh với bác sĩ. Lòng tin có thể bị ảnh hưởng bởi giới tính, nghiên cứu này học sinh nam có lòng tin chung cao gấp 2,21 lần so với nữ giới ($p<0,05$). Ngoài ra, những học sinh có lòng tin chung lớn hơn sẽ dễ dàng tin tưởng các bác sĩ khác mà họ gặp lần đầu tiên. Điều này là do, trong giai đoạn đầu của mối quan hệ, lòng

tin giữa các cá nhân có thể hình thành chủ yếu dựa trên các đặc điểm chung của hệ thống [7]. Trong nghiên cứu này lòng tin ảnh hưởng bởi hệ thống năng lực giao tiếp, trung thành, hệ thống tin tưởng, bảo mật, công bằng có ảnh hưởng tích cực đến lòng tin vào bác sĩ nha khoa.

Về năng lực giao tiếp có điểm trung bình $3,94 \pm 0,96$, học sinh có lòng tin nhất vào vấn đề bác sĩ giải thích cho người bệnh những lợi ích và rủi ro của phương pháp điều trị với điểm trung bình $4,12 \pm 0,93$ (84,3% đồng ý và rất đồng ý). Trong lĩnh vực nha khoa, bác sĩ có khả năng giao tiếp hiệu quả với người bệnh của mình khi họ lắng nghe các chi tiết mà người bệnh muốn truyền đạt, có khả năng thu thập và tổng hợp thông tin một cách chính xác, hiểu được những cảm xúc tiềm ẩn, thể hiện sự đồng cảm, tạo ra mối quan hệ tốt và cuối cùng là đạo đức và chuyên nghiệp [8]. Nghiên cứu cũng cho thấy học sinh có lòng tin năng lực giao tiếp của bác sĩ làm tăng cao lòng tin tổng quát (OR=6,87; $p<0,05$). Kỹ năng giao tiếp tốt sẽ cải thiện hiệu quả chẩn đoán và khả năng ra quyết định, góp phần làm tăng sự hài lòng của người bệnh, tuân thủ các khuyến nghị của bác sĩ lâm sàng, giảm lo lắng cũng như giảm tỷ lệ sai sót [9].

Sự trung thành là nghĩa vụ của bác sĩ giúp đỡ người bệnh ngoài lợi ích cá nhân và tạo điều kiện cho các mối quan hệ cởi mở và trung thực. Học sinh có lòng tin cao nhất vào việc bác sĩ không thử nghiệm trên người bệnh mà họ không hề hay biết. Có 13,2% học sinh cho rằng bác sĩ kiểm tiền lên trên nhu cầu của người bệnh. Mặc dù hầu hết mọi người tin tưởng bác sĩ nha khoa của họ, nhưng trên phương tiện truyền thông đưa nhiều thông tin gây mất lòng tin, đặc biệt các vấn đề về tính chi phí dịch vụ. Có 10,6% cho rằng bác sĩ che giấu sai lầm. Người bệnh rất muốn biết sự thật về căn bệnh của mình và yêu cầu tiết lộ mọi lỗi sai, tìm kiếm thông tin về nguyên nhân và lý do xảy ra lỗi sai cũng như cách giảm thiểu hậu quả [10].

Hệ thống tin tưởng là niềm tin vào các thể chế, quy trình và chính sách của hệ thống y tế. Trong nghiên cứu, học sinh có lòng tin hệ thống tin tưởng cao nhất với điểm trung bình $4,28 \pm 1,02$. Nhóm có lòng tin vào hệ thống tin tưởng làm tăng gấp 8,34 lần vào lòng tin chung ($p < 0,05$). Hệ thống tin tưởng trong nghiên cứu bao gồm bác sĩ chịu trách nhiệm nếu làm sai, phân biệt đối xử, đối xử bất công với người bệnh. Các bác sĩ tuân thủ các quy trình y khoa được chấp nhận sẽ không phải chịu trách nhiệm về sai sót của mình. Tuy nhiên, nếu họ không tuân thủ các thông lệ y khoa, họ sẽ phải chịu trách nhiệm về tác hại do sai sót của mình gây ra.

Yếu tố bảo mật duy trì tính riêng tư của thông tin người bệnh. Có 16,3% học sinh cho rằng việc giữ kín hồ sơ bệnh án của bác sĩ chưa tốt. Bảo vệ thông tin người bệnh khỏi việc tiết lộ không hợp pháp là một nguyên tắc thiết yếu của hoạt động nha khoa và là nghĩa vụ pháp lý. Tất cả các bác sĩ nha khoa phải bảo vệ tính bảo mật của thông tin người bệnh và chỉ sử dụng thông tin đó cho mục đích cho phép. Bác sĩ phải nhận thức được trách nhiệm của mình trong việc bảo vệ tính bảo mật của người bệnh. Trong nghiên cứu, việc giữ bảo mật làm gia tăng lòng tin chung ($OR=4,13$; $p < 0,05$).

Về yếu tố công bằng, đa số học sinh cho rằng bác sĩ nha khoa sẽ đối xử công bằng về các yếu tố khả năng chi trả, dân tộc, tôn giáo, giới tính, học vấn của người bệnh. Người bệnh thường phải đối mặt với nhiều rào cản, đặc biệt là khi họ tìm kiếm dịch vụ chăm sóc răng miệng. Công bằng giúp mọi người đều có cơ hội như nhau và chính đáng trong chăm sóc sức khỏe. Lòng tin vào công bằng của bác sĩ trong nghiên cứu cũng làm tăng 6,46 lần so với nhóm không có lòng tin ($p < 0,05$).

5. KẾT LUẬN

Lòng tin vào bác sĩ nha khoa của học sinh còn chưa cao và học sinh nam có lòng tin tổng quát vào bác sĩ nha khoa cao hơn nữ học sinh. Lòng tin của học sinh phụ thuộc mạnh mẽ vào hệ thống năng lực giao tiếp, trung thành, hệ thống tin tưởng, bảo mật, công bằng của bác sĩ. Cần cải thiện hệ thống năng lực nhằm cải thiện lòng tin trong mối quan hệ bác sĩ nha khoa với học sinh.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Richmond, J., et al., Development and Validation of the Trust in My Doctor, Trust in Doctors in General, and Trust in the Health Care Team Scales. *Soc Sci Med*, 2022. 298: p. 114827.
- [2] Yuan, S., et al., A scoping review to explore patient trust in dentistry: the definition, assessment and dental professionals' perception. *British Dental Journal*, 2023.
- [3] Berthelsen, H., J.H. Pejtersen, and B. Söderfeldt, Measurement of social support, community and trust in dentistry. *Community Dent Oral Epidemiol*, 2011. 39(4): p. 289-99.
- [4] Armfield, J.M., et al., Do people trust dentists? Development of the Dentist Trust Scale. *Australian Dental Journal*. 62(3): p. 355-362.
- [5] Beugre-Kouassi, A.M.L., et al., [Evaluation of motivational factors of adolescent patients for orthodontic treatment using the Q methodology]. *Orthod Fr*, 2021. 92(4): p. 453-460.
- [6] Hall, M.A., et al., Measuring patients' trust in their primary care providers. *Med Care Res Rev*, 2002. 59(3): p. 293-318.
- [7] Hall, M.A., et al., Trust in the medical profession: conceptual and measurement issues. *Health Serv Res*, 2002. 37(5): p. 1419-39.
- [8] Hannah, A., C.J. Millichamp, and K.M. Ayers, A communication skills course for undergraduate dental students. *J Dent Educ*, 2004. 68(9): p. 970-7.
- [9] Waylen, A., The importance of communication in dentistry. *Dental update*. 44(8): p. 774-780.
- [10] Khorshidian, A., A. Parsapoor, and E. Shamsi Gooshki, Conflicts and Challenges of Truth-Telling in Dentistry: A Case-Based Ethical Analysis. *Front Dent*, 2022. 19: p. 1.